

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2026/DS-PT

Ngày: 06/5/2026

V/v: “ *Ly hôn, tranh chấp
chia tài sản chung khi ly hôn* ”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đinh Phước Hoà

Các Thẩm phán: ông Phạm Tồn

bà Trần Thị Kim Liên

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Thành An, Thẩm tra viên Tòa phúc thẩm
Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham
gia phiên tòa:** ông Đinh Văn Chánh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối
cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số
01/2026/TLPT-DS ngày 07 tháng 01 năm 2026 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp chia
tài sản chung khi ly hôn*”. Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số
92/2025/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Đà
Nẵng do có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 873/2026/QĐ-PT ngày 15 tháng 4
năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Lưu Thị B, sinh năm 1965; địa chỉ: thôn D, xã Q, huyện
Q, tỉnh Quảng Nam (nay là thôn D, xã X, thành phố Đà Nẵng); có mặt.

- Bị đơn: ông Đoàn Thanh C, sinh năm 1966; địa chỉ: thôn D, xã Q, huyện
Q, tỉnh Quảng Nam (nay là thôn D, xã X, thành phố Đà Nẵng); có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã X, thành phố Đà Nẵng;

Đại diện theo ủy quyền: ông Lê Quang K, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND.
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND xã X: ông Hoàng Kim H, chức
vụ: Phó Trưởng phòng Kinh tế xã X; vắng mặt.

2. Ông Lưu Tấn H1, sinh năm 1953; vắng và xin vắng mặt

3. Bà Lưu Thị N, sinh năm 1963; vắng mặt

Cùng địa chỉ: thôn D, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam (nay là thôn D, xã X, thành phố Đà Nẵng);

4. Chị Đoàn Thị Bích V, sinh năm 1987; vắng và xin vắng mặt

Địa chỉ: thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam (nay là thôn P, xã X, thành phố Đà Nẵng).

5. Chị Đoàn Thị N1, sinh năm 1990; Địa chỉ: Số F K, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng và xin vắng mặt

6. Anh Đoàn Công Q, sinh năm 1995; có mặt

7. Anh Đoàn Lưu Công T, sinh năm 2004; vắng và xin vắng mặt

Cùng địa chỉ: thôn D, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam (nay là thôn D, xã X, thành phố Đà Nẵng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Quá trình tố tụng nguyên đơn bà Lưu Thị B trình bày:*

Bà và ông Đoàn Thanh C chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 10/10/1985, có tổ chức lễ cưới nhưng chưa đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn, công C thường xuyên nhậu nhẹt, say xỉn nên đánh đập bà. Nay tình cảm không còn và không thể chung sống nên bà yêu cầu xin ly hôn với ông C.

Về con chung: Vợ chồng có 4 người con là Đoàn Thị Bích V, sinh năm 1987; Đoàn Thị N1, sinh năm 1990; Đoàn Công Q, sinh năm 1995 và Đoàn Lưu Công T, sinh ngày 04/6/2004. Hiện nay, các con đã trưởng thành nên bà không yêu cầu gì.

Tài sản chung: Quá trình chung sống, vợ chồng bà tạo lập được tài sản là Quyền sử dụng đất của thửa đất số 77a, tờ bản đồ số 01, diện tích là 1.021m² gắn liền với tài sản trên đất là một căn nhà cấp 4 thuộc thôn D, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam (cũ) nay là thôn D, xã X, thành phố Đà Nẵng; đã được UBND huyện Q (nay là UBND xã X) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 192391 ngày 20/6/2001. Nay ly hôn, bà yêu cầu phân chia tài sản trên theo quy định pháp luật, nguyện vọng bà xin nhận một phần diện tích đất để có nơi sinh sống, làm ăn. Đối với tài sản trên đất là cây cối bà không yêu cầu phân chia giá trị cũng như không tranh chấp, phần tài sản bà xây dựng thêm sau khi thẩm định và định giá bà không yêu cầu gì.

Đối với phần diện tích đất là đường bê tông nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng bà, vốn dĩ đã có từ lâu, từ trước thời điểm vợ chồng bà nhận chuyển nhượng mảnh đất từ vợ chồng ông Phạm Ngọc P bà Văn Thị X; vợ chồng ông Lưu Tấn H1, bà Lưu Thị N đã đi con đường này vào mảnh đất gia đình ông H1 từ đó đến nay. Nay vợ chồng ly hôn, tôi đồng ý để lối đi này

cho gia đình ông H1 với điều kiện chuyển dịch lối đi này đến phần cuối thửa đất để tạo điều kiện thuận lợi cho cả đôi bên, ngoài ra bà không yêu cầu gì thêm.

Về nợ chung: Không có.

- *Quá trình tố tụng bị đơn ông Đoàn Thanh Công trình B1:*

Về hôn nhân: Ông thống nhất với bà B2 về thời gian hai vợ chồng chung sống, làm đám cưới và đến thời điểm hiện tại hai người vẫn chưa đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, ông thừa nhận ông có nhậu nhẹt và đánh vợ tuy nhiên do nhiều năm nay ông không làm ra tiền nên bà B xem thường ông, dẫn đến hai bên mâu thuẫn. Nay tình cảm không còn, bà B yêu cầu ly hôn, ông đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 4 người con là Đoàn Thị Bích V, sinh năm 1987, Đoàn Thị N1, sinh năm 1990, Đoàn Công Q, sinh năm 1995 và Đoàn Lưu Công T, sinh ngày 04/6/2004. Hiện nay, các con đã trưởng thành nên ông cũng không yêu cầu gì.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tạo lập được tài sản chung là mảnh đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 77a, tờ bản đồ số 01, diện tích là 1021m² thuộc thôn D, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam (cũ) nay là thôn D, xã X, thành phố Đà Nẵng. Nay ly hôn, ông yêu cầu phân chia tài sản trên theo quy định pháp luật, ông có nguyện vọng được nhận phần đất có ngôi nhà trên đất, hiện tại ông đang sinh sống tại nơi này và yêu cầu phân chia mảnh đất theo hướng chia đôi theo hiện trạng (981,7m²/2), để đảm bảo quyền lợi cho ông, nếu ông nhận phần chênh lệch ông chấp nhận bồi trả cho bà B.

Về nợ chung: Không có.

Đối với yêu cầu của ông Lưu Tấn H1 ông không đồng ý, bởi lẽ: Nguồn gốc mảnh đất này là vợ chồng ông nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Phạm Văn P1 và bà Văn Thị X vào năm 2001, thời điểm đó có con đường đất đi vào nhà ông H1, tuy nhiên tại thời điểm vợ chồng ông tiến hành làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông đã chủ động mời vợ chồng ông H1 đến để tiến hành phân định mốc giới, chỉ rõ đất và lối đi nhưng vợ chồng ông H1 từ chối, do vậy vợ chồng đã tiến hành thủ tục theo quy định. Nay vợ chồng ông H1 yêu cầu phải chừa lại lối đi đường bê tông hiện có ông không chấp thuận, ông đồng ý tịnh tiến lối đi này đến giáp ranh vị trí đất ngoài cùng, nhưng đòi lại vợ chồng ông H1 phải trả cho ông giá trị đất tương ứng với lối đi, theo ông đất này ông đã mua của vợ chồng ông P1 nên lối đi này không còn là của vợ chồng ông H1.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. UBND huyện Q, ***nay là*** UBND xã X; Tại văn bản 698/UBND-NC ngày 15/6/2022 của UBND huyện Q (cũ) trình bày:

Đối với yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 192381 cấp ngày 26/6/2001 đứng tên hộ ông Đoàn Thanh C và bà Lưu Thị B3, sau khi xem xét nội dung Thông báo thụ lý của Tòa án, và căn cứ thông tin trên tòa bộ hồ sơ cấp giấy chứng nhận gồm: Biên bản xác định vị trí ranh giới; Quyết định số

524/QĐ-UB ngày 26/6/2001; Trích lục bản đồ, Hợp đồng mua bán; Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất; đơn xin cấp giấy; Tờ khai thuế...v.v thì hộ ông Đoàn Thanh C và bà Lưu Thị B được UBND huyện Q cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đảm bảo quy định pháp luật, và đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

2. **Ông** Lưu Tấn H1 **và bà** Lưu Thị N *trình bày*: Vợ chồng ông bà có mảnh đất liền kề với đất vợ chồng ông C bà B, con đường đi vào nhà ông bà phải đi ngang qua đất nhà vợ chồng ông B. Vốn con đường có từ thời xa xưa, thửa đất số 77a và thuộc phần đất của bà Văn Thị K1, bà K1 đã cho vợ chồng ông bà con đường này, sau đó bà K1 đã cho vợ chồng ông P1 bà X và vợ chồng ông P1 đã chuyển nhượng phần đất nêu trên cho vợ chồng ông C. Con đường này gia đình ông bà đã sử dụng từ trước 1975 đến nay. Nay vợ chồng ông C bà B ly hôn, phân chia tài sản có liên quan đến lối đi vào nhà của gia đình; vợ chồng ông bà yêu cầu giữ nguyên lối đi vào mảnh đất gia đình ông bà, ông bà đồng ý tịnh tiến lối đi xuống cuối mảnh đất, giáp đất ông Nguyễn Đ và phải đảm bảo chiều ngang 2m. Gia đình ông bà không chấp nhận bồi trả giá trị đất của lối đi chung vì đây là lối đi của riêng gia đình ông bà; việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có lối đi của gia đình ông bà cho vợ chồng ông C bà B là không đúng quy định.

Ngày 04/5/2022 ông Lưu Văn H2 có đơn yêu cầu đề nghị hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 192391 ngày 26/6/2001, trả lại phần lối đi chung cho gia đình ông. Đến ngày 29/8/2025 ông H2 có đơn rút yêu cầu hủy quyết định cá biệt, bà Lưu Thị Ngọc thống N2 với đề nghị nêu trên; do vậy Tòa án tiến hành xem xét giải quyết theo luật định.

3. **Bà** Đoàn Thị Bích V *trình bày*: bà là con gái của bà Lưu Thị B và ông Đoàn Thanh C; Quyền sử dụng đất số Q 192381 cấp ngày 26/6/2001 đứng tên hộ ông Đoàn Thanh C và bà Lưu Thị B3 và tài sản trên đất là của ba mẹ bà, bà không có công sức đóng góp gì trong quá trình chung sống cùng ba mẹ, nên bà không có tranh chấp hay yêu cầu gì đến tài sản nêu trên.

4. **Bà** Đoàn Thị N1, **ông** Đoàn Công Q **và** Đoàn Lưu Công T: Thống nhất quan điểm với bà Đoàn Thị Bích V.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 92/2025/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

“Căn cứ các Điều 28, 41, 147, 157, 165, 235 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 29, 33, 34, 38, 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các điều 213, 274, 280, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và Nghị quyết 01/2024/HĐTP ngày 16/5/2024 của HĐTPTANDTC; tuyên xử:

1. *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lưu Thị B đối với bị đơn ông Đoàn Thanh C về việc “Ly hôn và tranh chấp chia tài sản chung khi ly hôn”.*

- Về hôn nhân: Bà Lưu Thị B và ông Đoàn Thanh C thuận tình ly hôn.

- Về tài sản chung:

+ Giao cho bà Lưu Thị B được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 590,8m² (tại vị trí 2) là đất trồng cây lâu năm thuộc thửa đất số 77a, tờ bản đồ số 01 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 192381 cấp ngày 26/6/2001 (đứng tên hộ ông Đoàn Thanh C, bà Lưu Thị B) có tứ cận:

Đông: Giáp đường bê tông;

Tây: Giáp đất ông Lưu Tấn H1 và Phạm Ngọc P;

Nam: Giáp vị trí đất còn lại theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Q 192381;

Bắc: Giáp đất ông Nguyễn Đ.

(có sơ đồ bản vẽ kèm theo, vị trí 2).

Tài sản gắn liền trên đất là: Hàng rào B40 với 11 trụ bê tông, 10 cây chuối và đường bê tông.

Bà Lưu Thị B được thực hiện quyền đăng ký chỉnh lý biến động đất đai theo quy định pháp luật đất đai.

+ Giao cho ông Đoàn Thanh C được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất gồm: 390,9m² đất (tại vị trí 1), trong đó có 200m² đất ở và 190.9m² đất trồng cây lâu năm thuộc thửa đất số 77a, tờ bản đồ số 01 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 192381 cấp ngày 26/6/2001 (đứng tên hộ ông Đoàn Thanh C, bà Lưu Thị B) có tứ cận:

Đông: Giáp đường bê tông;

Tây: Giáp đất ông Phạm Ngọc P;

Nam: Giáp đường bê tông;

Bắc: Giáp vị trí đất còn lại theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Q 192381.

(có sơ đồ bản vẽ kèm theo, vị trí 1).

Cùng tài sản gắn liền trên đất là: Nhà ở cấp 4, nhà bếp, nhà vệ sinh; hàng rào lưới B40; chân tường rào bằng đá và gạch ống; 30 trụ bê tông; giếng nước; sân xi măng và mái tôn P2; cổng nhà có gạch men ốp trụ; cánh cửa công; chuồng chăn nuôi. Cây cối trên đất gồm: 04 cây chuối trĩ; 01 cây Bưởi; 01 cây đu đủ; 02 cây Bơ.

+ Ông Đoàn Thanh C có nghĩa vụ bồi trả cho bà Lưu Thị B giá trị tài sản chung chênh lệch là 121.760.140 đồng (Một trăm hai mươi một triệu bảy trăm sáu mươi nghìn một trăm bốn mươi đồng) và được thực hiện quyền đăng ký chỉnh lý biến động đất đai theo quy định pháp luật đất đai, sau khi thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán giá trị tài sản chênh lệch.

2. Về án phí và chi phí tố tụng khác:

Án phí: Bà Lưu Thị B được miễn án phí HNGĐ sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm. Ông Đoàn Thanh C phải chịu 75.000 đồng án phí HNGĐ sơ thẩm và 7.269.606 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chi phí tố tụng: Bà Lưu Thị B và Đoàn Thanh C, mỗi người phải chịu 7.021.500 đồng. Ông Đoàn Thanh C có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Lưu Thị B chi phí thẩm định và định giá là 7.021.500 đồng (Bảy triệu không trăm hai mươi một nghìn năm trăm đồng).

H3 lại cho bà Lưu Thị B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 19.800.000 đồng (Mười chín triệu, tám trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001835 ngày 07/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam cũ (nay là Phòng Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng).’.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 16/11/2025, ông Đoàn Thanh C có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông C giữ nguyên yêu cầu kháng cáo yêu cầu được chia đất với tỷ lệ 50%, với lý do sau này để lại cho con trai, con trai ở với cha thấy được chia đất cho mình ít hơn thì thiệt thòi.

Đại diện Viện công tố và xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án, về trình tự, thủ tục giải quyết thì Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân thủ đúng quy định của Luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thị B là đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông C không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ gì mới nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày, tranh luận của đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do. Mặc dù đây là phiên tòa được mở lần thứ nhất nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều đã có ý kiến trình bày trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của những đương sự nêu trên không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những đương sự trên.

[2] Xét kháng cáo của ông Đoàn Thanh C.

Ông C chỉ kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm chia cho mình 390m² đất, trong khi đó bà Lưu Thị B được chia 590m² đất là không phù hợp, yêu cầu được phân chia ½ diện tích thửa đất số 77a, tờ bản đồ số 01 tọa lạc thôn D, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam (nay là xã X, thành phố Đà Nẵng).

Thấy, thửa đất số 77a, tờ bản đồ số 01 đã được Ủy ban nhân dân huyện Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 192391 ngày 20/6/2001 đứng tên hộ ông Đoàn Thanh C, bà Lưu Thị B có diện tích thực tế là 981,7m², trong đó có 200m² loại đất ở và 781,7m² loại đất vườn.

Tòa án cấp sơ thẩm đã định giá giá trị đất và tài sản trên đất là 290.784.279 đồng, các đương sự trong vụ án đều thống nhất và ông C cũng không kháng cáo vấn đề này.

Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá sự đóng góp của ông C, bà B là ngang nhau nên phân chia giá trị tài sản cho ông C, bà B với tỷ lệ 50% là phù hợp, các đương sự cũng không kháng cáo.

Tòa án cấp sơ thẩm đã giao cho ông C thửa đất có diện tích 390,9m², trong đó có 200m² đất ở và 190,9m² đất trồng cây lâu năm cùng toàn bộ tài sản trên đất có tổng giá trị 267.152.279 đồng. Trong khi đó, chỉ giao cho bà B 590,8m² đất trồng cây lâu năm và buộc ông C phải bồi trả giá trị chênh lệch là 121.760.140 đồng là phù hợp.

Vì vậy, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông Đoàn Thanh C yêu cầu được nhận ½ diện tích thửa đất số 77a, tờ bản đồ số 01.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: ông Đoàn Thanh C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm vì thuộc trường hợp được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Đoàn Thanh C. Giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 92/2025/HNGĐ-ST ngày 18/9/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đoàn Thanh C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm vì thuộc trường hợp được miễn án phí.

3. Những quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao - Vụ II;
- Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng;
- TAND TP Đà Nẵng;
- VKSND TP Đà Nẵng;
- Cục THADS TP Đà Nẵng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P. HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Phước Hòa